CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ UOB ASSET MANAGEMENT (VIỆT NAM)
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ UOB ASSET MANAGEMENT (VIỆT NAM)
Date: 2026.10.07 17:16:37 +07'00'

# QUỸ ĐẦU TƯ
# UNITED DÒNG TIỀN LINH HOẠT

# ĐIỀU LỆ
# TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

**TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2026**

MỤC LỤC


1. CĂN CỨ PHÁP LÝ ..... 4
2. CÁC ĐỊNH NGHĨA ..... 6
CHƯƠNG I.ĐIỀU KHOẢN CHUNG ..... 9
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ ..... 9
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ ..... 9
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ ..... 9
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ chào bán ..... 9
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ..... 9
Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ ..... 10
Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát ..... 10
CHƯƠNG II.CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ, HẠN CHẾ ĐẦU TƯ, HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY, GIAO DỊCH KÝ QUỸ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐẦU TƯ ..... 11
Điều 8. Mục tiêu đầu tư ..... 11
Điều 9. Chiến lược đầu tư ..... 11
Điều 10. Danh mục đầu tư của Quỹ ..... 11
Điều 11. Hạn mức đầu tư ..... 12
Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ ..... 14
Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư ..... 14
CHƯƠNG III.NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ..... 15
Điều 14. Nhà Đầu Tư ..... 15
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư ..... 15
Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư ..... 16
Điều 17. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ..... 17
Điều 18. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ..... 20
Điều 19. Giá Phát Hành Lần Đầu, Giá Bán, Giá Mua Lại Đơn Vị Quỹ mở ..... 21
Điều 20. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ ..... 21
Điều 21. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ ..... 21
CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ ..... 22
Điều 22. Đại Hội Nhà Đầu Tư ..... 22
Điều 23. Triệu tập cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư ..... 22
Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư ..... 22
Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư ..... 23
Điều 26. Hiệu lực nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư ..... 24
Điều 27. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư ..... 25
CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ..... 27
Điều 28. Ban Đại Diện Quỹ ..... 27
Điều 29. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ ..... 28
Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ ..... 28
Điều 31. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ..... 29
Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ ..... 29
Điều 33. Đình chỉ, bãi nhiệm và miễn nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ ..... 29
Điều 34. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ ..... 30
CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ..... 31
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ ..... 31
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ ..... 31
Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ ..... 34
Điều 38. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ ..... 35

CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT ..... 37
Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát ..... 37
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát ..... 37
Điều 41. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát ..... 38
Điều 42. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát ..... 39
CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN ..... 40
Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền ..... 40
Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan ..... 40
Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan ..... 40
Điều 46. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền ..... 41
Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền ..... 41
CHƯƠNG IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI ..... 42
Điều 48. Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ mở ..... 42
Điều 49. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối ..... 42
Điều 50. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ ..... 43
CHƯƠNG X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ..... 45
Điều 51. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán ..... 45
Điều 52. Năm tài chính ..... 45
Điều 53. Chế độ kế toán ..... 45
Điều 54. Báo cáo tài chính ..... 45
Điều 55. Báo cáo khác ..... 45
CHƯƠNG XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ..... 46
Điều 56. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ..... 46
Điều 57. Nguyên tắc và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ..... 46
Điều 58. Quy trình định giá tài sản quỹ ..... 47
Điều 59. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, quỹ ..... 48
Điều 60. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá ..... 49
CHƯƠNG XII. THU NHẬP, CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN QUỸ ..... 50
Điều 61. Thu nhập của quỹ ..... 50
Điều 62. Các loại giá dịch vụ do Nhà Đầu Tư trả ..... 50
Điều 63. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả ..... 51
Điều 64. Chi phí khác của Quỹ ..... 53
Điều 65. Phân phối lợi nhuận Quỹ ..... 53
CHƯƠNG XIII. TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ ..... 54
Điều 66. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập ..... 54
Điều 67. Các điều kiện chia, tách Quỹ ..... 54
Điều 68. Các điều kiện giải thể Quỹ ..... 54
CHƯƠNG XIV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH ..... 56
Điều 69. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ ..... 56
CHƯƠNG XV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ ..... 57
Điều 70. Công bố thông tin ..... 57
Điều 71. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ ..... 57
Điều 72. Đăng ký Điều Lệ ..... 57
Điều 73. Điều khoản thi hành ..... 57
PHỤ LỤC 1 ..... 59
PHỤ LỤC 2 ..... 61
PHỤ LỤC 3 ..... 62
PHỤ LỤC 4 ..... 63

## 1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của QUỸ ĐẦU TƯ UNITED DÒNG TIỀN LINH HOẠT và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp.
- Luật số 76/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Luật số 56/2024/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2025;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2025;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị Định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Nghị Định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị Định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ) và Nghị Định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026;
- Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 136/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo áp dụng đối với Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2025;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;
- Thông tư số 14/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC
- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Thông tư số 68/2024/TT-BTC;

- Thông tư số 120/2020/TT-BTC quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và Chứng Chỉ Quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứngkhoán;
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC- ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

## 2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

| | |
|---|---|
| "Quỹ" | Là **QUỸ ĐẦU TƯ UNITED DÒNG TIỀN LINH HOẠT**, là một quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, thực hiện chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng và được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều Lệ Quỹ. |
| "Quỹ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ" | là quỹ mở đầu tư vào tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và trái phiếu chào bán ra công chúng với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên. |
| "Bản Cáo Bạch" | Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ. |
| "Ban Đại Diện Quỹ" | Là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. |
| "Công Ty Quản Lý Quỹ" | Là Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 01 năm 2009 và các giấy phép sửa đổi được điều chỉnh theo từng thời điểm, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công Ty Quản Lý Quỹ được Nhà Đầu Tư ủy thác quản lý Quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Chương VI của Điều Lệ này. |
| "Công Ty Kiểm Toán" | Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ, do Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định nhằm thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ. Công ty kiểm toán nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. |
| "Chứng Chỉ Quỹ" | Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 đồng. |
| "Dịch Vụ Quản Trị Quỹ" | Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:<br>• Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;<br>• Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;<br>• Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ;<br>• Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ và Hợp đồng đã ký với Công Ty Quản Lý Quỹ. |
| "Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng" | Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:<br>• Lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư, mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;<br>• Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;<br>• Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư;<br>• Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;<br>• Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư;<br>• Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ và Hợp |

| | |
|---|---|
| | đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ. |
| "Điều Lệ Quỹ" hoặc "Điều lệ" | Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). |
| "Đại Hội Nhà Đầu Tư" | Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ. |
| "Đại Lý Phân Phối" | Là tổ chức:<br>- Đã được UBCKNN cấp phép về dịch vụ Đại lý phân phối;<br>- Đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ. |
| "Đại Lý Ký Danh" | Là Đại Lý Phân Phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu Tư tại sổ phụ. |
| "Giá Bán/ Giá Phát Hành" | Là mức giá mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một Chứng Chỉ Quỹ.<br>Giá Bán/ Giá Phát Hành bằng mệnh giá cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng; hoặc bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành, được quy định tại Điều Lệ Quỹ. |
| "Giá Mua Lại" | Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một Chứng Chỉ Quỹ. Giá Mua Lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại Chứng Chỉ Quỹ được quy định tại Điều Lệ Quỹ. |
| "Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ" | Là giá dịch vụ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ được quy định tại Điều Lệ Quỹ. |
| "Giá Dịch Vụ Phát Hành" | Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi mua một đơn vị Quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ. Mức giá dịch vụ tối đa được quy định tại Điều Lệ Quỹ. |
| "Giá Dịch Vụ Mua Lại" | Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi bán một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Mua Lại được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ. Mức giá dịch vụ tối đa được quy định tại Điều Lệ Quỹ. |
| "Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ" | Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất tính đến trước Ngày Định Giá. |
| "Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ" | Là thương số giữa Giá trị tài sản ròng của Quỹ và tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành. |
| "Hợp Đồng Giám Sát" | Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ. |
| "Ngân Hàng Giám Sát" | Là Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là SC Vietnam), thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN") cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công Ty Quản |

| | |
|---|---|
| | Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Chương VII của Điều Lệ này. |
| "Nhà Đầu Tư" | Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ |
| "Ngày Định Giá" | Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ. |
| "Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ" | Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ. |
| "Ngày Làm Việc" | Là ngày không phải là thứ bảy, chủ nhật, các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam. |
| "Năm Tài Chính" | Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.<br>Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày, báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm đó được kiểm toán gộp với báo cáo tài chính năm tiếp theo. |
| "Người Có Liên Quan" | Theo Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021. |
| "Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh" | Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện giao dịch trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. |
| "Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư" | Là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về Nhà Đầu Tư và tình trạng sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. |
| "Vốn Điều Lệ" | Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ này. |
| "VSDC" | Là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. |
| "UBCKNN" | Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. |
| "Các Định Nghĩa Khác" | Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan. |

## CHƯƠNG I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

**Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ**

| | |
|---|---|
| Tên Quỹ đầy đủ bằng tiếng Việt: | **QUỸ ĐẦU TƯ UNITED DÒNG TIỀN LINH HOẠT** |
| Tên Quỹ đầy đủ bằng tiếng Anh: | United Money Market Fund |
| Tên viết tắt: | UMMF |
| Địa chỉ liên hệ: | Tầng 07, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| Điện thoại: | (84-28) 3910 3757 |
| Fax: | (84-28) 3910 3794 |
| Website: | www.uobam.com.vn |

**Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ**

Thời hạn hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập quỹ. Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ**

3.1. **QUỸ ĐẦU TƯ UNITED DÒNG TIỀN LINH HOẠT** là quỹ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ dạng quỹ mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021, và hệ thống luật pháp hiện hành, và các quy định trong bản Điều Lệ này.

3.2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ phải mua lại Chứng Chỉ Quỹ đã được phát hành cho Nhà Đầu Tư theo yêu cầu của nhà đầu tư và theo quy định pháp luật hiện hành.

3.3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại Hội Nhà Đầu Tư.

3.4. Ban Đại Diện Quỹ sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

3.5. Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam) được chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

**Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ chào bán**

4.1. Tổng Vốn Điều Lệ của Quỹ do Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng. Nhà Đầu Tư góp vốn bằng tiền Việt Nam đồng dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

4.2. Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành CCQ lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 *(năm mươi tỷ)* đồng Việt Nam, tương đương với 5.000.000 *(năm triệu)* CCQ được chào bán. Vốn Điều Lệ được chia thành các Đơn Vị Quỹ với mệnh giá là 10.000 *(mười nghìn)* đồng.

4.3. Quỹ không giới hạn số lượng Đơn Vị Quỹ được phép lưu hành tối đa. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ huy động tối đa phải do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

4.4. Trình tự, thủ tục, điều kiện đăng ký góp vốn thành lập Quỹ và thực hiện thanh toán được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

**Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ**

5.1. Quỹ chỉ định Công Ty Quản Lý Quỹ làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng Chỉ Quỹ.

5.2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

**Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ**

| | | |
|---|---|---|
| Công Ty Quản Lý Quỹ | : | CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ UOB ASSET MANAGEMENT (VIỆT NAM) |
| Giấy phép thành lập và hoạt động số | : | 49/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 01 năm 2009 và các Giấy phép điều chỉnh theo từng thời điểm. |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số | : | 0306790482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính) cấp ngày 23/01/2009 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm). |
| Trụ sở chính tại | : | Lầu 7, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| Điện thoại | : | (84-28) 3910 3757 |
| Fax | : | (84-28) 3910 3794 |
| Website | : | www.uobam.com.vn |

**Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát**

| | | |
|---|---|---|
| Ngân Hàng Giám Sát | : | NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM) |
| Giấy phép thành lập và hoạt động số | : | 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm). |
| Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký số | : | 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm). |
| Trụ sở chính tại | : | Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, Số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. |
| Điện thoại | : | 024 3936 8000 |
| Fax | : | 024 3837 8356 |
| Lĩnh vực hoạt động chính | : | Hoạt động ngân hàng thương mại, trong đó bao gồm huy động vốn,cấp tín dụng, dịch vụ thanh toán, lưu ký chứng khoán và hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.. |

Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Chương VII của Điều Lệ này.

## CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ, HẠN CHẾ ĐẦU TƯ, HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY, GIAO DỊCH KÝ QUỸ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐẦU TƯ

### Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là Quỹ đầu tư vào danh mục các công cụ thu nhập cố định có mức độ thanh khoản cao, nhằm tạo ra thu nhập từ lãi suất, bảo đảm chất lượng tín dụng và khả năng thanh khoản của danh mục đầu tư. Các công cụ đầu tư bao gồm các tài sản được quy định tại Điều 10 Điều Lệ này.

### Điều 9. Chiến lược đầu tư

9.1. Chiến lược đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ được xây dựng theo phương pháp phân bổ theo bậc thang kỳ hạn đối với các công cụ có kỳ hạn ngắn, nhằm cân bằng giữa mức sinh lời và khả năng thanh khoản. Đồng thời quỹ duy trì một phần dự trữ thanh khoản để đáp ứng nhu cầu bán lại Chứng Chỉ Quỹ hàng ngày của Nhà Đầu Tư. Phân bổ tài sản sẽ ưu tiên tài sản có tính thanh khoản cao và lợi suất tốt trên thị trường. Quỹ sẽ theo dõi và phân tích tình hình kinh tế vĩ mô về lãi suất, thanh khoản, tình hình vi mô về hoạt động của các tổ chức phát hành trong danh mục để thực hiện tái cân bằng và phân bổ tài sản phù hợp.

**Chiến lược đầu tư đối với mỗi loại tài sản như sau:**

a) **Tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ**: Quỹ chỉ đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng uy tín trong danh sách được chấp thuận của Ban đại diện quỹ. Quỹ sẽ lựa chọn kỳ hạn hợp lý, cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận cũng như tuân thủ mức phân bổ tối đa vào một tổ chức tín dụng.

b) **Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và các trái phiếu được chính phủ bảo lãnh:** Quỹ phân bổ tài sản vào các loại trái phiếu này dựa trên xu hướng lãi suất, kỳ hạn phù hợp và tính thanh khoản của trái phiếu.

c) **Trái phiếu doanh nghiệp:** Các trái phiếu từ tổ chức phát hành có chất lượng tín dụng tốt dựa trên việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp vững mạnh, dòng tiền ổn định, khả năng thanh toán nghĩa vụ trái phiếu, tài sản đảm bảo, chất lượng quản trị doanh nghiệp và tính khả thi của dự án mà doanh nghiệp đang huy động vốn. Ngoài ra, các trái phiếu được đầu tư phải có cấu trúc kỳ hạn phù hợp, lợi suất hấp dẫn so với mức rủi ro, độ thanh khoản của trái phiếu và tổ chức phát hành tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong việc phát hành trái phiếu. Quỹ cũng sẽ bảo đảm tính đa dạng trong việc lựa chọn trái phiếu để giảm thiểu rủi ro.

Nhìn chung, các chiến lược phân bổ sẽ tuân thủ theo các chính sách, chuẩn mực và quy trình của Tập đoàn UOB Asset Management hướng tới quản trị rủi ro chặt chẽ đồng thời vẫn đủ linh hoạt để tạo mức lợi nhuận tối ưu cho Khách hàng.

9.2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ sẽ đầu tư vào tất cả ngành nghề mà pháp luật Việt Nam cho phép, phù hợp với chiến lược và mục tiêu đầu tư của Quỹ.

### Điều 10. Danh mục đầu tư của Quỹ

10.1. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

Theo quy định của pháp luật, Quỹ được phép đầu tư vào các loại tài sản như sau:

a) Tiền gửi của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

b) Chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng;

c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công

chúng;

e) Chứng Chỉ Quỹ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ khác;

f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

10.2. Danh mục đầu tư của quỹ phải phù hợp với mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch.

**Điều 11. Hạn mức đầu tư**

11.1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 9 Điều Lệ Quỹ.

11.2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các hạn mức đầu tư sau:

a) Đầu tư tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm 10.1.a) (bao gồm tiền trên tài khoản thanh toán), điểm 10.1.b), điểm 10.1.c), điểm 10.1.d) Điều 10.1 Điều Lệ Quỹ có kỳ hạn hoặc thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống trừ tiền gửi và công cụ nợ của Chính phủ;

b) Đầu tư tối thiểu 10% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ vào tiền trên tài khoản thanh toán, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi.

c) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

d) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm 10.1.a), điểm 10.1.b), Điều 10.1 Điều Lệ Quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

e) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm 10.1.a), điểm 10.1.b) và điểm 10.1.d) Điều 10.1 Điều Lệ Quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;

f) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của chính Quỹ;

g) Chỉ được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm:

(i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành của một quỹ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ;

(ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào Chứng Chỉ Quỹ của một quỹ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ;

(iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các Chứng Chỉ Quỹ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ.

h) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm 10.1.d) Điều 10.1 Điều Lệ Quỹ.

11.3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư quy định tại điểm11.2.c), 11.2.d), 11.2.e), 11.2.g) và 11.2.h) Điều 11.2 và chỉ do các nguyên nhân sau:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;

c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

11.4. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d Điều 11.3 Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo UBCK và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định tại Điều 11.2, đồng thời công bố thông tin ("CBTT") theo đúng quy định về CBTT trên thị trường chứng khoán.

11.5. Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch, báo cáo UBCK, đồng thời CBTT theo đúng quy định về CBTT trên thị trường chứng khoán. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

11.6. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục, đồng thời CBTT theo đúng quy định về CBTT trên thị trường chứng khoán.

11.7. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại Điểm a, b Điều 10.1 Điều Lệ này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

11.8. Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;

b) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích để Ban đại diện quỹ quyết định.

11.9. Công Ty Quản Lý Quỹ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại Diện Quỹ về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận và phải tuân thủ quy định tại điểm b Điều 11.8.

11.10. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.

d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

11.11. Cơ cấu đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuổi nợ bình quân gia quyền của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ tối đa là 240 ngày và thời gian đáo hạn bình quân gia quyền của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ tối đa là 120 ngày.

Tuổi nợ bình quân gia quyền và thời gian đáo hạn bình quân gia quyền được xác định theo quy định pháp luật. Định kỳ hàng tuần, Công Ty Quản Lý Quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của mình về tuổi nợ

bình quân gia quyền và thời gian đáo hạn bình quân gia quyền.

11.12. Tuổi nợ bình quân gia quyền, thời gian đáo hạn bình quân gia quyền chỉ được vượt quá số ngày quy định tại Điều 11.11 này do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và e Điều 11.3 Điều Lệ này. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuổi nợ bình quân gia quyền hoặc thời gian đáo hạn bình quân gia quyền vượt quá số ngày theo quy định do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b và c Điều 11.3 Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại Điều 11.11 Điều Lệ này.

11.13. Trường hợp tuổi nợ bình quân gia quyền, thời gian đáo hạn bình quân gia quyền vượt quá số ngày quy định tại Điều 11.11 Điều Lệ này do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ theo quy định pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuổi nợ bình quân gia quyền hoặc thời gian đáo hạn bình quân gia quyền vượt quá số ngày theo quy định. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

11.14. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công Ty Quản Lý Quỹ về việc tuổi nợ bình quân gia quyền, thời gian đáo hạn bình quân gia quyền vượt quá số ngày theo quy định, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công Ty Quản Lý Quỹ, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc vượt quá số ngày, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo ra cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục

**Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ**

12.1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

12.2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

12.3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác.

12.4. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

12.5. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

**Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư**

13.1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ.
Lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý, cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.

13.2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ
Lựa chọn các công cụ nợ trên cơ sở đánh giá, thẩm định đầu tư, ưu tiên đầu tư các tài sản với mức hấp dẫn của lợi tức và khả năng thanh khoản của công cụ nợ đó

13.3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu
Lựa chọn trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được chính phủ bảo lãnh được xem xét trên cơ sở nhận định xu hướng lãi suất, kỳ hạn phù hợp và tính thanh khoản của trái phiếu.
Lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức phát hành có nền tảng tình hình tài chính tốt, dòng tiền ổn định và khả năng thanh toán nghĩa vụ nợ cao lợi suất hấp dẫn so với mức rủi ro.

13.4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản đầu tư khác
Lựa chọn các tài sản đầu tư khác phù hợp với các quy định tại Điều Lệ Quỹ và quy định pháp luật.

## CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

### Điều 14. Nhà Đầu Tư

14.1. Nhà Đầu Tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

14.2. Nhà Đầu Tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu Tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ, hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức ký.

14.3. Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và bất kỳ nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền mua Chứng Chỉ Quỹ, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác .

14.4. Nhà Đầu Tư bị hạn chế

a) Quỹ không được đăng ký theo phiên bản mới nhất của Đạo luật Chứng khoán Hoa Kỳ năm 1933 ("Đạo luật Chứng khoán"), Đạo luật Công ty Đầu tư Hoa Kỳ năm 1940 ("Đạo luật Công ty Đầu tư") hoặc các quy định về thị trường chứng khoán của các bang hoặc chính quyền địa phương của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ hoặc các vùng lãnh thổ thuộc quyền sở hữu hoặc dưới quyền tài phán của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, bao gồm cả Khối thịnh vượng chung Puerto Rico ("Hoa Kỳ"). Quỹ không đăng ký chào bán, giao dịch, chuyển nhượng trực tiếp hoặc gián tiếp đến Công dân Hoa Kỳ, như định nghĩa trong Đạo luật Chứng khoán, và "người được chỉ định ở Hoa Kỳ" như định nghĩa trong Đạo luật tuân thủ thuế tài khoản nước ngoài ("FATCA"), trừ khi trong một giao dịch không vi phạm luật chứng khoán của Hoa Kỳ.

b) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài có tên trong danh sách hạn chế thực hiện giao dịch của Tập Đoàn UOB Asset Management (được thay đổi, bổ sung tùy từng thời điểm) không được mua Chứng Chỉ Quỹ.

Nếu một Nhà Đầu Tư sau khi sở hữu Chứng Chỉ Quỹ có một trong các dấu hiệu của Nhà Đầu Tư bị hạn chế theo quy định nêu tại Khoản này và thông tin này được Công Ty Quản Lý Quỹ biết đến, Chứng Chỉ Quỹ thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đó có thể bị Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại bắt buộc. Để bảo vệ quyền lợi của tất cả các Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo lưu quyền mà không cần thông báo trước để hạn chế hoặc ngăn chặn việc bán và chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư bị hạn chế.

14.5. Nhà Đầu Tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu Chứng Chỉ Quỹ.

### Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

15.1. Nhà Đầu Tư có quyền:

a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với tỷ lệ vốn góp;

b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư sở hữu (nếu còn);

c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ (nếu có);

d) Khởi kiện Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

e) Được ứng cử và bầu vào Ban Đại Diện Quỹ khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 28 của Điều Lệ này;

f) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;

g) Được đối xử công bằng, mỗi Chứng Chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

h) Tự do chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;

i) Được tiếp cận đầy đủ các thông tin về hoạt động của quỹ;

j) Các quyền khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều Lệ này.

15.2. Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ Điều Lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

b) Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng Chỉ Quỹ;

c) Tham gia các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

d) Đồng ý với việc các thông tin của người sở hữu Chứng Chỉ Quỹ có thể được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

15.3. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;

b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:

(i) Có căn cứ xác thực về việc Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát vi phạm quyền của Nhà Đầu Tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho quỹ;

(ii) Ban Đại Diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải trả lời Nhà Đầu Tư;

d) Kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

15.4. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có quyền đề cử người vào Ban Đại Diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

15.5. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 15.3, Điều 15.4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng Chứng Chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số Chứng Chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại điểm b Điều 15.3, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát.

**Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư**

16.1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà Đầu

Tư phụ (sổ phụ), và xác nhận hoặc ủy quyền xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư của Quỹ.

16.2. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư phải có các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ;

b) Tổng số Chứng Chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng Chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;

c) Thông tin Nhà Đầu Tư:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên Nhà Đầu Tư, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);

(ii) Đối với tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính; họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu (đối với người được ủy quyền không mang quốc tịch Việt Nam) còn hiệu lực hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

d) Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư; hoặc số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài);

e) Số lượng và tỷ lệ sở hữu Chứng Chỉ Quỹ, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;

f) Ngày lập Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.

16.3. Đại Lý Ký Danh được mở, quản lý sổ phụ trên cơ sở hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Sổ phụ bao gồm đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư với nội dung theo quy định tại Điều 16.2. Chi phí quản lý sổ phụ không được hạch toán vào Quỹ.

16.4. Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh.Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật tại Sổ chính.

16.5. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư được lưu trữ tại trụ sở Tổ chức cung cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng và Công Ty Quản Lý Quỹ.

**Điều 17. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ**

17.1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ tối thiểu 02 lần trong 01 tháng và được công bố cụ thể tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt.

17.2. Tần suất giao dịch của Quỹ: Chứng Chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần (ngày T).

Trong trường hợp Ngày Giao Dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, nghỉ bù, ngày làm việc bù theo quy định pháp luật thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo chi tiết về Ngày Giao Dịch trong trường hợp nghỉ lễ, nghỉ bù, ngày làm việc bù trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Việc thay đổi tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt.

17.3. Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tại các Đại Lý Phân Phối được công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt hoặc trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

17.4. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh là 14h45 ngày làm việc gần nhất trước ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ (14h45 ngày T-1).

a) Các lệnh giao dịch đầy đủ và hợp lệ nhận trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được Đại Lý Phân Phối chuyển sang Đại Lý Chuyển Nhượng trước thời điểm đóng hệ thống của Ngày làm việc gần nhất trước

Ngày Giao Dịch (ngày T-1). Các lệnh giao dịch sẽ được xử lý căn cứ vào ngày và giờ nhận được hồ sơ tại Điểm Nhận Lệnh. Với những lệnh giao dịch hợp lệ nộp cho Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh và được nhận bởi Đại Lý Chuyển Nhượng, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ của Ngày Giao Dịch T sẽ được áp dụng cho lệnh giao dịch đó.

b) Các lệnh giao dịch nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ kế tiếp.

17.5. Thời hạn xác nhận giao dịch

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu Tư tại sổ chính và gửi xác nhận giao dịch cho Nhà Đầu Tư theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư 98/TT-BTC thông qua địa chỉ hòm thư điện tử (email) Nhà Đầu Tư đã đăng ký.

17.6. Lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư

a) Giao dịch mua Chứng Chỉ Quỹ

(i) Lệnh mua của Nhà Đầu Tư phải gửi kèm xác nhận việc Nhà Đầu Tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát hoặc Ngân Hàng Giám Sát xác nhận với Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, Đại Lý Ký Danh. Việc xác nhận hoàn tất việc thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận.;

(ii) Nhà Đầu Tư hoặc Người được Nhà Đầu Tư ủy quyền thanh toán tiền mua Chứng Chỉ Quỹ dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát bằng tiền Đồng Việt Nam. Phí chuyển tiền mua Chứng Chỉ Quỹ do Nhà Đầu Tư thanh toán. Trường hợp lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua của Nhà Đầu Tư được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư, phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư.

(iii) Lệnh mua phải được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam. Giá trị mua tối thiểu cho lần phát hành đầu tiên và các kỳ giao dịch tiếp theo của Quỹ là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

(iv) Đối với các trường hợp mà tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hoặc nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua, hoặc các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

(v) Số lượng Đơn Vị Quỹ (ĐVQ) được phân phối được tính theo công thức sau:

$$\textbf{Số lượng ĐVQ được phân phối} = \frac{\textit{Số tiền đăng ký mua x (1-Giá dịch vụ phát hành (\%))}}{\textit{NAV một Đơn Vị Quỹ tại Ngày giao dịch}}$$

Số lượng Đơn Vị Quỹ được phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư.

(vi) Lệnh mua có thể bị tạm dừng giao dịch trong một số trường hợp được quy định tại Điều 18 Điều Lệ Quỹ.

(vii) Quy trình nhận và thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

b) Thời hạn thanh toán tiền bán Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư được quy định tại Bản Cáo Bạch.

17.7. Lệnh bán Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư:

a) Giao dịch bán Chứng Chỉ Quỹ

(i) Nhà Đầu Tư đặt bán bằng số lượng Đơn Vị Quỹ muốn bán thông qua Đại Lý Phân Phối. Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Nhà Đầu Tư có đủ số lượng Đơn Vị Quỹ bán.

(ii) Lệnh bán của Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi Nhà Đầu Tư có đủ số lượng Đơn Vị Quỹ để bán theo yêu cầu và số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại sau giao dịch của Nhà Đầu Tư không thấp hơn 10 Đơn Vị Quỹ.

Trong trường hợp số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu là 10 Đơn Vị Quỹ để duy trì tài khoản, thì số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại sẽ được tự động bán hết tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ này. Số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

(iii) Số tiền bán Chứng Chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư nhận được được tính theo công thức sau:

***Giá trị tiền bán được nhận = Số lượng Chứng Chỉ Quỹ được mua lại x NAV một Đơn Vị Quỹ tại Ngày Giao Dịch x (1-Giá dịch vụ mua lại (%)) – Thuế (nếu có)***

Số tiền Nhà Đầu Tư nhận được sẽ bằng Giá Trị Bán trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có).

(iv) Đối với các khoản thanh toán bị trả về từ ngân hàng thụ hưởng, Nhà Đầu tư sẽ chịu các khoản chi phí phát sinh liên quan việc sửa lệnh (nếu có) nếu do lỗi của Nhà Đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà Đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà Đầu tư cập nhật thông tin cho Đại lý phân phối, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thanh toán cho Nhà Đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc Đại lý phân phối nơi Nhà Đầu tư đăng ký thực hiện giao dịch. Lưu ý rằng Quỹ chỉ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, vì vậy Nhà Đầu tư có trách nhiệm đảm bảo các thông tin đã cung cấp cho Đại lý phân phối là chính xác.

(v) Tiền bán Chứng Chỉ Quỹ được Quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà Đầu Tư, tài khoản ngân hàng của Đại Lý Ký Danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà Đầu Tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà Đầu Tư do Nhà Đầu Tư chỉ định. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do Nhà Đầu Tư chịu.

(vi) Lệnh bán có thể không thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 18 Điều Lệ Quỹ.

(vii) Quy trình nhận và thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

17.8. Lệnh chuyển đổi giữa các Chứng Chỉ Quỹ mở:

a) Nhà Đầu Tư có thể thực hiện việc chuyển đổi giữa các Chứng Chỉ Quỹ mở khi Công Ty Quản Lý Quỹ có từ hai (02) quỹ mở trở lên và có cùng tổ chức cung cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng.

b) Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin và chuyển tới Đại Lý Phân Phối trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.

c) Nhà Đầu Tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Đơn Vị Quỹ sở hữu. Số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký chuyển đổi tối thiểu là một nghìn (1000) Đơn Vị Quỹ. Trong trường hợp số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại sau khi chuyển đổi thấp hơn 10 (mười) Đơn Vị Quỹ để duy trì tài khoản thì số lượng Đơn Vị Quỹ còn lại sẽ được tự động chuyển đổi sang Đơn Vị Quỹ của quỹ mục tiêu.

d) Nguyên tắc thực hiện lệnh chuyển đổi:

(i) Lệnh bán để chuyển đổi đối với Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ chuyển đổi được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ của quỹ mục tiêu.

(ii) Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của các quỹ tương ứng.

Thời điểm thực hiện lệnh và chi tiết các bước thực hiện được quy định tại Bản Cáo Bạch.

e) Nhà Đầu Tư thanh toán Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi mà không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại trên số lượng Chứng Chỉ Quỹ đăng ký chuyển đổi. Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi được quy định tại Bản Cáo Bạch.

f) Lệnh chuyển đổi có thể chỉ được thực hiện một phần hoặc tạm dừng như quy định tại Điều 18 Điều Lệ Quỹ.

17.9. Lệnh mua Chứng Chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là "SIP"):

a) SIP là chương trình đầu tư định kỳ có hệ thống giúp Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ với một khoản tiền một cách thường xuyên định kỳ hàng tháng mà chỉ cần đặt lệnh một lần.

b) Phương thức đặt lệnh giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, thời điểm đóng sổ lệnh,... được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

17.10. Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

a) Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) Chứng Chỉ Quỹ cho một cá nhân/ tổ chức khác được thực hiện tại Đại Lý Phân Phối.

b) Quy trình nhận và thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

c) Nhà Đầu Tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

d) Việc thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại sẽ được quy định tại Bản Cáo Bạch.

e) Nhà Đầu Tư/ người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

**Điều 18. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ**

18.1. Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của Quỹ bao gồm:

a) Đáp ứng một phần lệnh của Nhà Đầu Tư;

b) Tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ;

18.2. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ lớn hơn năm phần trăm (5%) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ; hoặc

b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư dẫn tới Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng.

Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư cho đến khi Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ bằng đúng năm mươi (50) tỷ đồng.

18.3. Đối với việc đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi theo quy định tại Điều 18.2 này, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ, cụ thể như sau:

a) Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều này.

Cách thức giải quyết đối với các phần lệnh chưa được thực hiện được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

b) Các thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi trực tiếp qua hộp thư điện tử cho Nhà Đầu Tư.

18.4. Đối với trường hợp quy định tại điểm a Điều 18.2 này, Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa ba mươi (30) ngày sau khi được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

18.5. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; hoặc

b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ vào Ngày Định Giá mua lại Chứng Chỉ Quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán; hoặc

c) Các sự kiện khác mà Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

18.6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 18.5 này. trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Quỹ phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

18.7. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Quỹ nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ đối với các trường hợp quy định tại Điều 18.5 này.

18.8. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Điều 18.7 này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

18.9. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

**Điều 19. Giá Phát Hành Lần Đầu, Giá Bán, Giá Mua Lại Đơn Vị Quỹ mở**

19.1. Giá Phát Hành Lần Đầu của một Đơn Vị Quỹ được xác định bằng Mệnh Giá cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành (nếu có) trong đợt chào bán Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng.

19.2. Giá Bán một Đơn Vị Quỹ là mức giá mà Nhà Đầu Tư thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ để mua một Đơn Vị Quỹ, bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành (nếu có).

19.3. Giá Mua Lại một Đơn Vị Quỹ là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư để mua lại một Đơn Vị Quỹ. Giá mua lại được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ, trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại (nếu có).

19.4. Mức giá dịch vụ tối đa được quy định tại Điều 62 Điều Lệ này và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch.

Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức tối đa quy định tại Điều Lệ này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ .

**Điều 20. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ**

20.1. Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

20.2. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng và cam kết rằng các thông tin cung cấp là trung thực, chính xác và việc thừa kế đó không có bất kỳ tranh chấp nào.

**Điều 21. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ**

Trong trường hợp Quỹ hoạt động thua lỗ, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đánh giá các nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục trình Đại Hội Nhà Đầu Tư xem xét và thông qua theo từng giai đoạn hoạt động của Quỹ.

## CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

### Điều 22. Đại Hội Nhà Đầu Tư

22.1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.

22.2. Đại Hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập.

22.3. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp

22.4. Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ được tổ chức khi cần thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

### Điều 23. Triệu tập cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư

23.1. Đại Hội Nhà Đầu Tư được triệu tập trong những trường hợp sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc Ngân Hàng Giám Sát, hoặc Ban Đại Diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;

b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tính tới thời điểm triệu tập Đại hội trong các trường hợp sau:

(i) Có căn cứ xác thực về việc Công Ty Quản Lý Quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà Đầu Tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho quỹ;

(ii) Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

23.2. Việc tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 23.1 phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp.

23.3. Việc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức điện tử khác. Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức ửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử.

23.4. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 23.2, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 23.2, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Đại Diện Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ này.

### Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư

24.1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ;

24.2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;

24.3. Quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;

24.4. Quyết định phương án phân phối lợi tức;

24.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt

động của Ban Đại Diện Quỹ;

24.6. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;

24.7. Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ (nếu có);

24.8. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại Hội Nhà Đầu Tư;

24.9. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều Lệ này.

**Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư**

25.1. Điều kiện tiến hành cuộc họp:

a) Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a Điều 25.1, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.

25.2. Tất cả cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.

25.3. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội Nhà Đầu Tư:

a) Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

(i) Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ làm chủ tọa, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra sẽ thực hiện vai trò chủ tọa;

(ii) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp, Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ.

c) Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

d) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

e) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay khi hoàn tất việc kiểm phiếu;

f) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi

25.4. Trường hợp cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, trình tự, thủ tục thực hiện sẽ áp dụng như sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết theo danh sách chốt quyền tại ngày đăng ký cuối cùng chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;

b) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ, số giấy phép thành lập Quỹ;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân đối với đại diện của Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư;

(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

(v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(vi) Thời hạn phải gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(vii) Họ, tên, chữ ký của đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ;

c) Nhà Đầu Tư có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty Quản Lý Quỹ bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

(i) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà Đầu Tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

(ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

(iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

d) Công Ty Quản Lý Quỹ tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm phiếu, Ban Đại Diện Quỹ. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, giấy phép thành lập Quỹ;

(ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

(iii) Số Nhà Đầu Tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết;

(iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

(v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

(vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

(vii) Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ;

25.5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ

**Điều 26. Hiệu lực nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư**

26.1. Mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ có một phiếu biểu quyết.

26.2. Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp, ủy quyền tham dự và biểu quyết, bỏ phiếu từ xa hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

26.3. Trừ trường hợp quy định tại Điều 26.5 này, quyết định tại cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.

26.4. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.

26.5. Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp hoặc biểu quyết tại hội nghị trực tuyến:

a) Thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;

b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ.

Các Quyết định này được thông qua khi số Nhà Đầu Tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà Đầu Tư dự họp tán thành (trừ trường hợp thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ được quy định tại Điều 26.6 dưới đây).

26.6. Đối với nội dung thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, quyết định tại cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Tổng số phiếu biểu quyết thông qua trên bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết; và

b) Được số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất tám mươi lăm phần trăm (85%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà Đầu Tư dự họp tán thành

26.7. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

26.8. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc trong thời hạn bảy (07) ngày sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản theo quy định tại Điều 26.4, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân Hàng Giám Sát và cung cấp cho Nhà Đầu Tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

26.9. Những quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua không phù hợp với Điều này, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Nhà Đầu Tư về việc Nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

26.10. Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành theo hình thức cuộc họp trực tuyến hay bất kỳ hình thức tương tự nào khác phù hợp quy định Pháp luật, các quy định cho cuộc họp sẽ được áp dụng với những nội dung tương ứng và/hoặc tuân theo các thủ tục được nêu trong thông báo mời họp. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Kiểm Toán có quyền tham dự trực tiếp hoặc qua phương thức trực tuyến và tuân theo thủ tục cuộc họp phù hợp với Điều Lệ Quỹ và Pháp luật nhưng không được quyền biểu quyết.

**Điều 27. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư**

27.1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư về các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; chia, tách, giải thể quỹ, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi thời gian hoạt động của Quỹ có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng Đơn Vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

27.2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 27.1. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ xác định tại Ngày giao dịch gần nhất kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi.

## CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

### Điều 28. Ban Đại Diện Quỹ

28.1. Ban Đại Diện Quỹ do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư.

28.2. Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Đại Diện Quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

28.3. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu thành viên Ban Đại Diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Đại Diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại Diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại Diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều Lệ Quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại Diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại Diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện quỹ:

Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư có liên quan sở hữu từ 10% tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành trở lên có quyền đề cử người vào Ban Đại Diện quỹ. Việc đề cử này được thực hiện như sau:

(i) Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư có liên quan phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về việc đề cử người vào Ban Đại Diện quỹ và danh sách các ứng cử viên trước khi khai mạc Đại Hội Nhà Đầu Tư;

(ii) Căn cứ số lượng thành viên Ban Đại Diện, Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư có liên quan quy định tại điểm này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư làm ứng viên Ban Đại Diện quỹ. Trường hợp một số ứng cử viên được Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư thì số ứng cử viên còn lại do Ban Đại Diện và các Nhà Đầu Tư khác đề cử.

28.4. Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:

a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

28.5. Ban Đại Diện Quỹ có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

28.6. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua hình thức biểu quyết điện tử. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban Đại Diện, thành viên Ban Đại Diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

28.7. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị đình chỉ, bãi miễn hoặc miễn nhiệm theo quy định tại Điều 33 của Điều Lệ này, hoặc trường hợp cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ hoặc thành viên không

còn đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 28.2 và Điều 28.4, trong thời hạn 15 ngày sau khi có sự thay đổi, Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định tại Điều 28.4 để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho đến khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

28.8. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử khi thay đổi thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày thay đổi có hiệu lực. Đồng thời, trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, gửi danh sách Ban Đại Diện Quỹ theo mẫu quy định và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban Đại Diện Quỹ.

**Điều 29. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ**

29.1. Thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

29.2. Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại Diện Quỹ:

a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;

b) Là thành viên của trên 05 Ban Đại Diện Quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

**Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ**

30.1. Ban Đại Diện Quỹ có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu Tư;

b) Phê duyệt sổ tay định giá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, các tổ chức tín dụng Quỹ đầu tư chứng chỉ tiền gửi theo quy định tại Điểm a, b Điều 10.1 Điều Lệ này;

c) Chấp thuận các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận theo thẩm quyền của Ban Đại Diện Quỹ;

d) Quyết định mức lợi nhuận phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua, thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.

e) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của pháp luật;

f) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát;

g) Giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ và quy định pháp luật;

h) Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;

i) Ban Đại Diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:

(i) Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ Nhà Đầu Tư nào của Quỹ vay tiền;

(ii) Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho Nhà Đầu Tư vay tiền;

(iii) Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;

(iv) Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ đầu tư cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.

j) Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

30.2. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và Điều Lệ Quỹ.

b) Tham dự đầy đủ các phiên họp Ban Đại Diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;

c) Thực hiện các nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư và các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;

d) Ban Đại Diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định;

e) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ;

f) Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 31. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ**

31.1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện. Chủ tịch Ban Đại Diện quỹ phải là thành viên độc lập.

31.2. Chủ tịch Ban Đại Diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;

c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;

d) Ban hành Thông báo việc đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiệm quy định tại Điều 32.1 của Điều Lệ này.

**Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ**

32.1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ.

32.2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

**Điều 33. Đình chỉ, bãi nhiệm và miễn nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ**

33.1. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Điều Lệ này;

b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Có văn bản thông báo thành viên Ban Đại Diện Quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức.

33.2. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;

b) Bị khởi tố hoặc truy tố;

c) Không tham gia các hoạt động của Ban Đại Diện trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại Diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 34. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ**

34.1. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ tổ chức họp ít nhất mỗi quý một lần hoặc theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

34.2. Ban Đại Diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban Đại Diện Quỹ.

34.3. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

34.4. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ba (03) ngày.

34.5. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại Diện hoặc được gửi bằng thư điện tử hoặc bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.

34.6. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên, bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban Đại Diện tại phiên họp mà được ủy quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban Đại Diện không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban Đại Diện Quỹ dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban Đại Diện Quỹ độc lập thông qua.

34.7. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.

34.8. Ban Đại Diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban Đại Diện Quỹ.

34.9. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại Diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều Lệ Quỹ. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ.

34.10. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban Đại Diện Quỹ sẽ do Quỹ thanhtoán.

## CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

**Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ**

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

35.1. Đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động quản lý quỹ.

35.2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.

35.3. Có đầy đủ nhân sự và khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ theo quy định của pháp luật.

35.4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

**Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ**

36.1. Công Ty Quản Lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

b) Công Ty Quản Lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.

c) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải:

(i) Ký hợp đồng giám sát với Ngân Hàng Giám Sát;

(ii) Thực hiện lưu ký toàn bộ tài sản của Quỹ phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

(iii) Trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại Diện quỹ phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

(iv) Có hệ thống quản lý nhằm tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;

(v) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân Hàng Lưu Ký, Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ;

(vi) Thực hiện việc đầu tư tài sản quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ;

(vii) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản Cáo Bạch.

d) Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình này phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát và được áp dụng thống nhất.

e) Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

(i) Thực hiện việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ; giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ;

(ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.

(iii) Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền các hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng cho các tổ chức cung cấp dịch vụ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ủy quyền hoạt động và các quy định tại Điều Lệ Quỹ.

f) Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của Quỹ, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) cho ngân hàng giám sát và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân Hàng Giám Sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát để Ngân Hàng Giám Sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát.

g) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.

h) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều Lệ Quỹ.

i) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.

j) Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết đến từng vị trí công tác. Quy định về việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp của công ty là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và người lao động trong công ty.

k) Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công Ty Quản Lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà Đầu Tư vào quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

l) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại Lý Phân Phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp

luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng:

(i) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

(ii) Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

(iii) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

(iv) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.

m) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều Lệ Quỹ có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

n) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

(i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ; và

(ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ.

Quy định này không áp dụng nếu Quỹ có thời gian hoạt động chưa đủ 6 tháng tính từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến hết năm quỹ được thành lập.

o) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

p) Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

(i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;

(ii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư, thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;

(iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự cơ sở dữ liệu giữa hoạt động quản lý quỹ với hoạt động đầu

tư tài chính của công ty, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

q) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

36.2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:

a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Điều Lệ này;

b) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ uỷ quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư vào Quỹ;

c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà Đầu Tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

d) Được thay mặt, đại diện cho quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;

e) Khi thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành, công ty cổ phần mà Quỹ là cổ đông, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát được ủy quyền thực hiện, phải bảo đảm ý kiến biểu quyết của mình là không gây bất kỳ ảnh hưởng nào tới quyết định mà các cổ đông khác tham gia biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;

f) Ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ;

g) Được hưởng các khoản giá dịch vụ, phí được quy định trong Điều Lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;

i) Được tham gia các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện quỹ;

j) Được thực hiện hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ;

k) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và các quy định khác của pháp luật.

**Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ**

37.1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ;

b) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

c) Công Ty Quản Lý Quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;

d) Tổ chức lại Công Ty Quản Lý Quỹ;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

37.2. Trong trường hợp quy định tại Điều 37.1, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công Ty Quản Lý Quỹ khác chấp thuận thay thế. Công Ty Quản Lý Quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế để đảm bảo Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

37.3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý

Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ, phương án xử lý tài sản và Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế.

37.4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ:

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại điểm b Điều 37.1, Quỹ sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều Lệ này) theo biểu phí như sau:

| **Phí được tính trên NAV của Quỹ** | **Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ** |
|---|---|
| 2.0% | Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động |
| 1.5% | Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động |

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV ngày cuối tháng của 12 tháng liên tục liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Phí này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Công Ty Quản Lý Quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

Nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ vì lý do vi phạm các quy định pháp luật và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thì Quỹ sẽ không phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khoản phí nêu trên.

**Điều 38. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ**

38.1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát, Ngân hàng lưu ký của Quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát (nếu có), Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

38.2. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản của Quỹ mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:

a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán;

b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Ban Đại Diện quỹ. Văn bản chấp thuận của Ban Đại Diện quỹ phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.

38.3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại Bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.

38.4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ, phí đã được quy định rõ tại Điều Lệ Quỹ.

38.5. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;

b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) Vốn Điều Lệ;

d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác;

e) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; không được trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một quỹ hoặc khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

38.6. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác do mình quản lý để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ hai mươi lăm phần trăm (25%) trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hành ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

b) Công quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

38.7. Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

38.8. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

## CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

**Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát**

Ngân Hàng Giám Sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

39.1. Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;

39.2. Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công Ty Quản Lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, người điều hành, nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại.

39.3. Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, người điều hành, nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.

39.4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký.

39.5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

**Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát**

40.1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát:

a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư quỹ;

b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân Hàng Giám sát;

c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ Quỹ;

d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều Lệ Quỹ;

e) Quản lý tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát.

f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

g) Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ là chính xác;

h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;

j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;

k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ, theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;

l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng Chỉ Quỹ sở hữu bởi từng Nhà Đầu Tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.

m) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều Lệ Quỹ và hợp đồng giám sát.

40.2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát

a) Ngân Hàng Giám Sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều Lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b) Được tham gia các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

c) Lựa chọn tổ chức tài chính nước ngoài có chức năng lưu ký tài sản làm tổ chức lưu ký phụ để lưu ký các tài sản ở nước ngoài của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật. Việc ủy quyền và thực hiện ủy quyền phải tuân thủ quy định của pháp luật.

**Điều 41. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát**

41.1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát.

41.2. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:

a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ; giám sát việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ này;

b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ; trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ này;

e) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.

f) Giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và Điều Lệ này.

41.3. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

41.4. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

41.5. Ngân Hàng Giám Sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư vào để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ.

41.6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ theo quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán

Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát gửi thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Giám Sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều Lệ Quỹ.

41.7. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát liên đới cùng với Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

**Điều 42. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát**

42.1. Ngân Hàng Giám Sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Ngân Hàng Giám Sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;

b) Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;

c) Quỹ hết thời gian hoạt động hoặc bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

42.2. Trong các trường hợp quy định tại Điều 42.1, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một Ngân Hàng Giám Sát khác phải theo quy định của pháp luật.

42.3. Trường hợp thay đổi Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký, Quỹ thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký chỉ chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với quỹ cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký thay thế. Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký thay thế phải lập và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao giữa hai ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban đại diện quỹ.

42.4. Trường hợp ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký, giám sát tại ngân hàng cũ.

## CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

**Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền**

Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ cho hoạt động quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

**Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan**

44.1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

44.2. Các tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm chuyên môn, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.

44.3. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ rõ ràng và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định.

**Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan**

45.1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi các công việc đã được ủy quyền theo các quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

45.2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

a) Đối với Dịch Vụ Quản Trị Quỹ:

(i) Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;

(ii) Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;

(iii) Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;

(iv) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

b) Đối với Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng:

(i) Lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;

(ii) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư;

(iii) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư;

(iv) Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

(v) Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;

(vi) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

45.3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu: các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

45.4. Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm để thực hiện hoạt động được ủy quyền. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;

45.5. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ;

45.6. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

**Điều 46. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền**

46.1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với quỹ;

46.2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.

46.3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Công ty và Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.

46.4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

46.5. Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

46.6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư;

46.7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

46.8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền, hợp đồng ủy quyền, biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.

**Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền**

47.1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức nhận ủy quyền đơn phương đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;

b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;

c) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;

d) Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.

e) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;

f) Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

g) Quỹ bị giải thể;

h) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

47.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phù hợp với các quy định của pháp luật và hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

## CHƯƠNG IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

### Điều 48. Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ mở

48.1. Đại lý phân phối bao gồm và các công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ đại chúng và ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.

48.2. Đại Lý Phân Phối phải có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ mở;

48.3. Tại mỗi địa điểm phân phối có tối thiểu 02 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán; hoặc là người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài và đã có chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Việt Nam; hoặc có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm chứng chỉ: những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, phân tích và đầu tư chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán;

48.4. Có cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ;

48.5. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, thẩm định cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, và bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ kèm theo bộ quy định về ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn của khách hàng.

### Điều 49. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

49.1. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối bao gồm:

a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;

b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Tổ chức cung cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;

c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;

d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;

e) Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;

f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

49.2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký không được làm đại lý ký danh; phải tách bạch việc phân phối chứng chỉ quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cung cấp thông tin cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư.

**Điều 50. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ**

50.1. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.

50.2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

50.3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

50.4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuyếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các cam kết, dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.

50.5. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

50.6. Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng Chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ. Đại lý phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi Nhà Đầu Tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ.

50.7. Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

50.8. Đại lý phân phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

50.9. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo

quy định pháp luật. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

50.10. Hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

50.11. Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

50.12. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo quy định pháp luật.

50.13. Phương tiện để đại lý phân phối thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.

50.14. Khi thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư trên môi trường mạng, đại lý phân phối phải đảm bảo:

a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;

b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;

c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;

d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối Chứng Chỉ Quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết Nhà Đầu Tư, quy trình phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn của Nhà Đầu Tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ;

e) Đảm bảo Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối;

f) Tuân thủ hoạt động phân phối quy định tại Điều 49.1 và Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.

g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này cho Nhà Đầu Tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho Nhà Đầu Tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại Khoản 1, 3 và 4 Điều này;

h) Đảm bảo Nhà Đầu Tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo Nhà Đầu Tư được thông báo về Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo Nhà Đầu Tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

50.15. Công Ty Quản Lý Quỹ phải cập nhật Bản Cáo Bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách Đại Lý Phân Phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại Lý Phân Phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối.

50.16. Đại Lý Phân Phối có các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật liên quan.

## CHƯƠNG X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

**Điều 51. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán**

Hàng năm, Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn tổ chức kiểm toán do Công Ty Quản lý Quỹ đề xuất. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

51.1. Nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận của UBCKNN được công bố hàng năm.

51.2. Có uy tín và kinh nghiệm kiểm toán cho các quỹ đầu tư.

51.3. Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

**Điều 52. Năm tài chính**

52.1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.

52.2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

**Điều 53. Chế độ kế toán**

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

**Điều 54. Báo cáo tài chính**

54.1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ theo quy định pháp luật.

54.2. Các Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét / kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ để các Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

54.3. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày, báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm đó được kiểm toán gộp với báo cáo tài chính năm tiếp theo.

**Điều 55. Báo cáo khác**

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

## CHƯƠNG XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

### Điều 56. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

56.1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng Sổ tay định giá để áp dụng thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ của Quỹ tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ này. Sổ tay định giá và danh sách tối thiểu 03 tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, phải được Ban Đại Diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.

56.2. Giá Trị Tài Sản Ròng, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ của Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị được thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận.

56.3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.

56.4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận.

56.5. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp với Điều Lệ Quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.

56.6. Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ phải được xác định vào Ngày Định Giá và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành định giá Giá Trị Tài Sản Ròng và Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ định kỳ theo Ngày Giao Dịch, tần suất ngày giao dịch được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch. Ngoài ra, cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) theo quy định của Pháp luật hoặc các mục đích khác do Công ty Quản lý Quỹ xác định, Công ty Quản lý Quỹ có thể tiến hành định giá Giá Trị Tài Sản Ròng và Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ vào những ngày khác mà không nhất thiết là Ngày Giao Dịch.

56.7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ giảm xuống dưới 30 tỷ đồng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục.

### Điều 57. Nguyên tắc và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ

57.1. Ngày Định Giá:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành định giá Chứng Chỉ Quỹ định kỳ theo Ngày Giao Dịch (từ thứ 2 đến thứ 6)

b) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được xác định tối thiểu một (01) lần một (01) tuần. Việc thay đổi tần suất định giá được cập nhật tại Bản Cáo Bạch của Quỹ và thực hiện theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và phải được công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

c) Giá trị tài sản ròng tháng của Quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (thời gian chốt số liệu của báo cáo tháng tính từ ngày đầu tiên của tháng đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo), và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

57.2. Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng

a) Giá trị tài sản ròng của Quỹ được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ;

b) Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ trên cơ sở các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công;

c) Các khoản chi phí như giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, giá dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ (nếu có) và các khoản thu nhập như lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi, lãi trái phiếu… phải được hạch toán trên cơ sở dự chi và dự thu tính đến ngày trước ngày định giá.

d) Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;

e) Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá.

57.3. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

a) Giá Trị Tài Sản Ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) của các tài sản trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá, công thức như sau:

**Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ (NAV) = Tổng tài sản của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ**

b) Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá, công thức như sau:

$$\textbf{Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ } (\boldsymbol{NAV/ĐVQ}) = \frac{\textbf{Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ}}{\textbf{Tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành}}$$

c) Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, được làm tròn xuống hàng đơn vị thứ hai sau dấu phẩy. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

d) Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định chi tiết trong Sổ tay định giá do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với quy định của Pháp luật, đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản và cũng được ghi rõ trong Phụ Lục đính kèm Điều Lệ này.

**Điều 58. Quy trình định giá tài sản quỹ**

58.1. Trước ngày định giá:

Các nghiệp vụ sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

a) Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong kỳ;

b) Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến Quỹ, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn;

c) Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ sẽ được khi nhận vào ngày giao dịch không hưởng quyền;

d) Các nghiệp vụ phát hành thêm/mua lại Chứng Chỉ Quỹ phát sinh sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của kỳ trước;

e) Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi, lãi trái phiếu, v.v.. tính đến ngày trước ngày định giá;

f) Trích lập các khoản dự chi như giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ ngân hàng lưu ký giám sát, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, giá dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ (nếu có), v.v.. tính đến ngày trước ngày định giá;

g) Đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại ngân hàng lưu ký, giám sát;

h) Đối chiếu số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyển nhượng;

i) Thu nhập báo giá chứng khoán các hệ thống báo giá hoặc các nguồn dữ liệu có liên quan để định giá

chứng khoán tính đến ngày trước ngày định giá;

j) Các nghiệp vụ khác (nếu có)

58.2. Tại ngày định giá:

Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận Giá Trị Tài Sản Ròng, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ tại Ngày Định Giá.

58.3. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho Tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng, thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp với Điều Lệ Quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 59. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, quỹ**

59.1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đền bù thiệt hại cho Quỹ và Nhà Đầu Tư giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi định giá sai Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, với mức sai lệch đạt từ 1,00% Giá Trị Tài Sản Ròng trở lên theo quy định của pháp luật.

59.2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng phương án khắc phục, đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư theo trình tự sau:

a) Xác định lại giá trị tài sản ròng tại các kỳ định giá sai vượt mức;

b) Xác định các khoản đền bù cho quỹ, Nhà Đầu Tư tại các kỳ định giá sai. Công ty quản lý quỹ không phải đền bù cho những Nhà Đầu Tư thiệt hại ít hơn 100.000 đồng nhưng toàn bộ khoản tiền thanh toán của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được đưa vào quỹ, trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định khác;

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày định giá lại giá trị tài sản ròng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án đền bù thiệt hại cho quỹ, Nhà Đầu Tư. Phương án đền bù thiệt hại phải nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của quỹ, Nhà Đầu Tư, kèm theo danh sách, mức đền bù của từng Nhà Đầu Tư;

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho quỹ và Nhà Đầu Tư.

59.3. Trong trường hợp quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và đã bán Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán.

b) Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện vẫn còn đang lưu hành.

59.4. Trong trường hợp quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai.

b) Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

59.5. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu mọi chi phí đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư. Trường hợp được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư theo quy định tại điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này được hạch toán vào Quỹ.

59.6. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho Quỹ trong các trường hợp:

a) Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế theo quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ;

b) Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ, quy định của pháp luật;

c) Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại Điều 11.6 Điều Lệ này.

59.7. Mức đền bù cho quỹ trong các trường hợp quy định tại Điều 59.6 được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay. Trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận vào cho quỹ.

59.8. Việc thanh toán các khoản đền bù cho quỹ, Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 59.1 và Điều 59.6 này được thực hiện thông qua ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng cơ chế phối hợp thanh toán với ngân hàng giám sát để kịp thời ra các chỉ thị thanh toán cho Nhà Đầu Tư và quỹ.

**Điều 60. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá**

60.1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại Diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Tổ chức cung cấp báo giá là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch.

b) Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;

c) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;

d) Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

60.2. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:

a) Tổ chức đang cung cấp báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.

b) Tổ chức đang cung cấp báo giá trở thành là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

## CHƯƠNG XII. THU NHẬP, CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN QUỸ

### Điều 61. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

61.1. Cổ tức.

61.2. Lãi trái phiếu.

61.3. Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi

61.4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ.

61.5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

### Điều 62. Các loại giá dịch vụ do Nhà Đầu Tư trả

62.1. Giá Dịch Vụ Phát Hành Chứng Chỉ Quỹ:

a) Giá Dịch Vụ Phát Hành trong đợt chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng

Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua một Đơn Vị Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng (IPO). Giá dịch vụ này được thu khi phát hành lần đầu, cộng vào mệnh giá và tính theo tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ.

Giá Dịch Vụ Phát Hành lần đầu của Quỹ tối đa là 5% trên tổng giá trị lệnh mua. Giá dịch vụ cụ thể sẽ được nêu trong Thông báo chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng và công bố trên cổng thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

b) Giá Dịch Vụ Phát Hành trong các phiên giao dịch định kỳ

Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua một Đơn Vị Quỹ tại các kỳ giao dịch sau khi Quỹ được cấp giấy phép thành lập. Giá Dịch Vụ này được thu khi phát hành và tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.

Giá Dịch Vụ Phát Hành các lần tiếp theo của Quỹ tối đa là 5% trên tổng giá trị lệnh mua. Giá dịch vụ cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ ấn định từng thời điểm tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt và công bố trên cổng thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ nhưng không được vượt quá mức tối đa nêu trên.

c) Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

62.2. Giá Dịch Vụ Mua Lại Chứng Chỉ Quỹ:

a) Mức Giá Dịch Vụ Mua Lại tối đa là 3% (ba phần trăm) trên giá trị giao dịch của lệnh bán.

b) Giá Dịch Vụ Mua Lại cụ thể được áp dụng cho lệnh bán dựa theo thời gian nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ và được Công Ty Quản Lý Quỹ ấn định theo từng thời điểm tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt và công bố trên trang thông tin điện tử nhưng không được vượt quá mức tối đa nêu trên. Thời gian nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ được xác định theo nguyên tắc "mua trước bán trước".

c) Thời điểm áp dụng Tỷ lệ giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

62.3. Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi giữa các Chứng Chỉ Quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý:

a) Nhà Đầu Tư phải trả Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ giữa các Chứng Chỉ Quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch.

b) Nhà Đầu Tư không phải trả Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại Chứng Chỉ Quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại Chứng Chỉ Quỹ.

c) Mức Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi tối đa là 3% (ba phần trăm) trên giá trị giao dịch của lệnh chuyển đổi.

d) Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi cụ thể được Công Ty Quản Lý Quỹ ấn định theo từng thời điểm tại Bản Cáo

Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt và công bố trên trang thông tin điện tử nhưng không được vượt quá mức tối đa nêu trên.

e) Thời điểm áp dụng Tỷ lệ giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

62.4. Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng Phi Thương Mại:

a) Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi đăng ký thực hiện các giao dịch chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ phi thương mại như cho, biếu, tặng, thừa kế, v.v.

b) Các mức Dịch Vụ Chuyển Nhượng Phi Thương Mại cụ thể được công bố tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, hoặc trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hoặc dưới các hình thức khác.

**Điều 63. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả**

63.1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ:

a) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ.

b) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính từ ngày nhận Giấy phép thành lập quỹ đến đủ 1 năm hoạt động đầu tiên là 0,6%/năm. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ áp dụng các năm sau đó trở đi là 1% năm.

Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

c) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ sẽ được công bố trong Bản Cáo Bạch và trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ nhưng phải đảm bảo mức Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng và Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật.

d) Tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

e) Công thức tính giá dịch vụ quản lý quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

63.2. Tổng giá dịch vụ quản lý quỹ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng, được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý quỹ trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước Ngày Định Giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

63.3. Giá Dịch Vụ Giám Sát và Lưu Ký:

a) Giá Dịch Vụ Giám Sát và Lưu Ký được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để cung cấp dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát và Lưu Ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá Trị Tài Sản Ròng tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng.

b) Giá Dịch Vụ Lưu Ký là 0,03%NAV/năm.

Giá Dịch Vụ Giám Sát là 0,03%NAV/năm, tối thiểu 16.500.000 đồng/tháng.

Các giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) và các loại giá dịch vụ khác được trả cho Ngân Hàng Lưu Ký và Giám Sát như giá dịch vụ giao dịch, giá dịch vụ sửa lệnh, v.v..

Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ. Trường hợp Quỹ được áp dụng mức giá ưu đãi hơn trong một số giai đoạn nhất định thì áp dụng mức giá ưu đãi hơn đó.

c) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

d) Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

e) Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước Ngày Định Giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

63.4. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ:

a) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ là tỷ lệ giá dịch vụ trả cho Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Quản Trị Quỹ cho Quỹ.

b) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ là 0,03% NAV/năm.

Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ. Trường hợp Quỹ được áp dụng mức giá ưu đãi hơn trong một số giai đoạn nhất định thì áp dụng mức giá ưu đãi hơn đó.

c) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

d) Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

e) Tổng giá dịch vụ quản trị quỹ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng, được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước Ngày Định Giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

63.5. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng:

a) Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng cho Quỹ.

b) Giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được thống nhất với Đại Lý Chuyển Nhượng phù hợp với quy định của Pháp Luật và có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận với Đại Lý Chuyển Nhượng và chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có).

c) Công thức tính giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng cho kỳ định giá = Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng hàng tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của tháng.

Các loại phí, giá dịch vụ trên đều chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) theo quy định của pháp luật.

**Điều 64. Chi phí khác của Quỹ**

Là các chi phí khác do Quỹ chi trả, bao gồm:

64.1. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;

64.2. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;

64.3. Thù lao trả cho Ban đại diện quỹ;

64.4. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện; xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư;

64.5. Chi phí định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;

64.6. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;

64.7. Chi phí thẩm định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có);

64.8. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;

64.9. Giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);

64.10. Các chi phí hợp lệ khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

64.11. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện quỹ quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật;

64.12. Phí, lệ phí nộp cơ quan quản lý khi xin Giấy phép chào bán Chứng Chỉ Quỹ lần đầu và Giấy phép thành lập quỹ và các phí, lệ phí hợp lệ khác (nếu có); Chi phí pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác được Pháp Luật cho phép;

64.13. Thuế và các loại phí bắt buộc của Chính phủ áp dụng cho Quỹ; và

64.14. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 65. Phân phối lợi nhuận Quỹ**

Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư trong suốt thời gian hoạt động. Toàn bộ lợi nhuận phát sinh hằng năm, sau khi trừ các chi phí hợp lệ theo quy định, sẽ được giữ lại và tái đầu tư vào các tài sản của Quỹ nhằm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị đầu tư của Nhà Đầu Tư.

## CHƯƠNG XIII.TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

**Điều 66. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập**

Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

**Điều 67. Các điều kiện chia, tách Quỹ**

67.1. Việc chia, tách Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận và đáp ứng các quy định sau:

a) Đáp ứng các quy định theo khoản 1 Điều 108 Luật chứng khoán.

b) Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết.

67.2. Việc chia, tách Quỹ phải được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

**Điều 68. Các điều kiện giải thể Quỹ**

68.1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

b) Công Ty Quản Lý Quỹ đơn phương đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác định được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;

c) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, bị phá sản, hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

d) Ngân Hàng Giám Sát đơn phương đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân Hàng Giám Sát;

e) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;

f) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

68.2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại Điều 68.1 trên đây, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có Công Ty Quản Lý Quỹ) triệu tập Đại hội nhà đầu tư để thông qua phương án giải thể Quỹ.

68.3. Đại hội nhà đầu tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư; hoặc duy trì hoạt động của Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.

68.4. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản quỹ và phân chia tài sản quỹ cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

68.5. Đại hội nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể quỹ. Trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư có quyết định khác, kể từ ngày giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát không được:

a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch của các tài sản cho Quỹ;

b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;

c) Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;

e) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.

68.6. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:

a) Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;

b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;

c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quỹ.

68.7. Tài sản từ việc thanh lý quỹ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

b) Các khoản phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể Quỹ.

c) Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà Đầu Tư trong Quỹ. Danh mục hoàn trả cho nhà đầu tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của quỹ. Trong trường hợp danh mục đầu tư bao gồm các chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thực hiện theo hướng dẫn của VSDC.

68.8. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân Hàng Giám Sát (nếu có) và Công Ty Quản Lý Quỹ, được thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

68.9. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà Đầu Tư Giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo quy định của pháp luật.

68.10. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan không được tổ chức các chương trình quảng cáo, thông tin về quỹ để tiếp nhận, thực hiện các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ, kể từ ngày quỹ buộc phải giải thể.

## CHƯƠNG XIV.GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

**Điều 69. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ**

69.1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:

a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

b) Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý và tài sản của Nhà Đầu Tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.

69.2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;

69.3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

## CHƯƠNG XV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ

### Điều 70. Công bố thông tin

70.1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

70.2. Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của quỹ hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản Lý Quỹ và hệ thống Đại Lý Phân Phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư.

70.3. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.

70.4. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### Điều 71. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

71.1. Điều Lệ này chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

71.2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

71.3. Sau khi sửa đổi, bổ sung Điều Lệ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

71.4. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được đề cập trong Điều Lệ này, thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

### Điều 72. Đăng ký Điều Lệ

72.1. Khi thành lập quỹ, Điều Lệ Quỹ đã được thông qua bằng hình thức chấp thuận bằng văn bản khi Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong giai đoạn IPO. Tại thời điểm đó, Điều Lệ Quỹ có hiệu lực kể từ khi UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ cho Quỹ.

Đối với các lần sửa đổi tiếp sau, Điều Lệ Quỹ có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.

72.2. Các bản trích hay sao y của bản Điều Lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ thì mới có giá trị.

72.3. Điều Lệ này được lập thành 02 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt:
- 01 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
- 01 bản lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ.

### Điều 73. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều Lệ các Phụ lục sau:

Phụ lục 1: Cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ

Phụ lục 2: Cam kết của Ngân Hàng Giám Sát

Phụ lục 3: Cam kết chung của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát

Phụ lục 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản của quỹ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2026

**THAY MẶT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ UOB ASSET MANAGEMENT (VIỆT NAM)**




**Thiều Thị Nhật Lệ**

Tổng giám đốc

## PHỤ LỤC 1

## CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Quản Lý Quỹ: **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ UOB Asset Management (Việt Nam)**

Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán: 49/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 01 năm 2009.

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với **Quỹ đầu tư United Dòng Tiền Linh Hoạt:**

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.

2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.

3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.

4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:

a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;

b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;

c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ;

d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.

6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.

7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.

8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.

9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời. Trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đối với các hoạt động ủy quyền theo quy định của pháp luật có liên quan.

10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư quỹ theo quy định của pháp luật.

**THAY MẶT**
**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ UOB**
**ASSET MANAGEMENT (VIỆT NAM)**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*




**Thiều Thị Nhật Lệ**
Tổng giám đốc

**PHỤ LỤC 2**

**CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Ngân Hàng Giám Sát: **Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)**

Giấy phép thành lập và hoạt động: số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.

2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.

3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.

4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.

6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.

8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

M.S.D.N: 0103617144
NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)
C.T.T.N.H

Nguyễn Thuỳ Linh
Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ

**PHỤ LỤC 3**

**CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

**Công ty cổ phần quản lý quỹ UOB Asset Management (Việt Nam)**

Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán: 49/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 01 năm 2009

**Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)**

Giấy phép thành lập và hoạt động: số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

| | |
|---|---|
| **THAY MẶT**<br>**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ UOB ASSET MANAGEMENT (VIỆT NAM)**<br>*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA**<br>**NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**<br>*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |
| **Thiều Thị Nhật Lệ**<br>Tổng giám đốc | Nguyễn Thuỳ Linh<br>Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quỹ |

## PHỤ LỤC 4

## PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|---|---|---|
| **Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ** | | |
| 1. | Tiền (VND) | Số dư tiền tại ngày trước Ngày Định Giá. |
| 2. | Ngoại tệ | Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá. |
| 3. | Tiền gửi kỳ hạn | Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá. |
| 4. | Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác | Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá. |
| 5. | Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác | Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ. |
| **Trái phiếu** | | |
| 6. | Trái phiếu niêm yết | - Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế;<br>- Trường hợp Trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc giá thị trường (giá sạch) có nhiều biến động với mức biến động bất thường (*) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua (trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất) thì giá Trái phiếu là một trong các mức giá như sau:<br>+ Giá mua bình quân (giá sạch) cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định Giá; hoặc<br>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định Giá; hoặc<br>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.<br>*(*) Biến động bất thường là:*<br>➢ *Trái phiếu Chính phủ: vượt quá +/- 1%*<br>➢ *Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu địa phương: vượt quá +/- 2%*<br>➢ *Trái phiếu Doanh nghiệp: vượt quá +/- 10%* |
| 7. | Trái phiếu chào bán ra công chúng chưa được niêm yết, hoặc trái phiếu được chấp thuận niêm yết trong quá trình chờ niêm yết (chưa có ngày giao dịch đầu tiên) | Là một trong các mức giá như sau:<br>+ Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi luỹ kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc<br>+ Giá mua cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định Giá;<br>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định Giá; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. |

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|---|---|---|
| 8. | Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản | Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. |
| **Chứng Chỉ Quỹ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ khác** | | |
| 9. | Chứng chỉ quỹ đầu tư công cụ thị trường tiền tệ khác | Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước Ngày Định Giá của Quỹ UMMF. |
| **Các tài sản khác** | | |
| 10. | Các tài sản được phép đầu tư khác | Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do ba (03) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không đủ 03 báo giá thì mức giá được xác định làm một trong các mức giá như sau:<br>+ Giá trung bình của hai (02) tổ chức báo giá;<br>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.<br>Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua. |

Ghi chú:

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF…) để tham khảo.
- Tại phần này, ngày được hiểu là ngày theo lịch.